TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-PT
Ngày: 10-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà***: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 08/2019/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 26/2018/KDTM-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G; địa chỉ: Phường P1, quận Q1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Phạm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường P2, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 21/6/2018).

- Nguyễn Minh K, sinh năm 1976; địa chỉ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G; địa chỉ: Phường P1, quận Q1, thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần SJ; địa chỉ: Phường P3, quận Q2, Thành phố Hà Nội; địa chỉ Chi nhánh: Phường P4, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1981; địa chỉ: Quận B, Thành phố Hà Nội, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/10/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng: Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2017, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G (sau đây gọi tắt là Công ty G) ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM với Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Công ty SJ). Theo đó Công ty G bán cho Chi nhánh Công ty SJ mặt hàng thùng nhựa tròn và nắp thùng, dung tích 1L, 3.8L, 5L và 8L. Số lượng, đơn giá, quy cách thùng theo thiết kế, mẫu mã của Chi nhánh Công ty SJ thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng. Ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận về phương thức, thời gian giao hàng; thỏa thuận về thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán, cụ thể: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty G do Công ty G cung cấp; bên A (Công ty G) đồng ý cho bên B (Chi nhánh Công ty SJ) công nợ hạn mức là 300.000.000 đồng trong thời gian hai bên đồng ý mua bán, nếu đơn hàng giao theo từng đơn đặt hàng được lũy kế cộng dồn công nợ, vượt hạn mức công nợ cho phép thì bên B phải thanh toán cho bên A số tiền vượt hạn mức không kể bất cứ lý do gì.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty G đã giao hàng cho Chi nhánh Công ty SJ với tổng giá trị hàng 1.673.056.468 đồng theo các Hóa đơn số 0000143 ngày 26/12/2016; số 0000198 ngày 20/01/2017; số 0000250 ngày 03/3/2017; số 0000034 ngày 17/3/2017; số 0000035 ngày 18/3/2017; số 0000109 ngày 25/4/2017; số 0000156 ngày 18/5/2017; số 0000211 ngày 17/6/2017; số 0000214 ngày 19/6/2017; số 0000260 ngày 22/7/2017; số 0000261 ngày 24/7/2017; số 0000442 ngày 21/11/2017; số 0000487 ngày 06/12/2017; số 0000492 ngày 08/12/2017 và các Phiếu giao hàng số 266 ngày 04/8/2017, số 293 ngày 11/8/2017; số 325 ngày 29/8/2018; số 476 ngày 17/10/2017; số 521 ngày 02/11/2017; số 687 ngày 30/12/2017; số 763 ngày 20/01/2018 và số 764 ngày 22/01/2018. Công ty SJ đã thanh toán cho nguyên đơn được 1.290.000.000 đồng.

Số tiền Chi nhánh Công ty SJ còn nợ Công ty G theo bản đối chiếu công nợ ngày 26/3/2018 do Công ty G là 383.056.468 đồng. Mặc dù Công ty G đã nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty SJ vẫn không thanh toán cho Công ty G. Như

vậy, Công ty SJ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM nên ngày 21/6/2018 Công ty G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần SJ phải thanh toán số tiền mua hàng mà Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương còn nợ Công ty G là số tiền 383.056.468 đồng vì Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương là Chi nhánh của Công ty Cổ phần SJ theo quy định tại khoản 6 Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty Cổ phần SJ phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 08/6/2018 là 17.237.541 đồng (383.056.468 đồng x 0,75% x 6 tháng), tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần SJ phải thanh toán là 400.294.000 đồng.

- Tại Văn bản số 0210/CV-TA ngày 02/10/2018 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Văn PH, tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hồ Sỹ H trình bày:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ngày 31/3/2015, tại địa chỉ: Phường D, tỉnh Bình Dương. Phương thức hoạt động của Chi nhánh là hạch toán phụ thuộc và ông Cao Văn Đ là người đứng đầu Chi nhánh. Việc bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh chỉ đăng ký theo biểu mẫu của Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương yêu cầu, không nêu cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu Chi nhánh.

Để tạo điều kiện cho Chi nhánh hoạt động hiệu quả, Giám đốc Công ty ủy quyền bằng lời nói, không lập thành văn bản cho người đứng đầu Chi nhánh được ký kết 1 số hợp đồng kinh tế mua sắm nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất và chủ động việc giao dịch thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, trước khi ký hợp đồng với các đối tác thì người đứng đầu Chi nhánh phải trao đổi trực tiếp với giám đốc công ty, sau khi thống nhất tiến hành ký hợp đồng và chuyển về công ty để hạch toán, quyết toán và người đứng đầu Chi nhánh phải có trách nhiệm gửi các khoản thu, chi của Chi nhánh về công ty mẹ xác nhận đồng ý đưa vào báo cáo của Công ty thì mới có giá trị.

Công ty thừa nhận Chi nhánh có ký kết và thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM ký ngày 01/01/2017 giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G với Chi nhánh của Công ty tại Bình Dương. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương không tuân thủ theo quy định tại Điều 1.4 của hợp đồng, trong hồ sơ lưu tại Chi nhánh thể hiện Chi nhánh không có đơn đặt hàng, không có thư báo giá của nhà cung cấp, Công ty SJ đã đề nghị Công ty G cung cấp các tài liệu, chứng cứ nói trên để làm căn cứ xác nhận đối chiếu công nợ nhưng Công ty G không cung cấp được. Đến ngày 12/11/2018, sau khi Tòa án cho tạm ngừng phiên tòa và ban hành quyết định thu thập chứng cứ, Công ty G đã cung cấp cho Tòa án và Tòa án thông báo cho bị đơn về các tài liệu chứng cứ do Công ty G

cung cấp là phiếu báo giá và các đơn đặt hàng được gửi qua email cho Chi nhánh của bị đơn cùng các phiếu giao hàng cho bị đơn, sau khi tiếp cận chứng cứ này, bị đơn không thừa nhận vì phiếu báo giá và đơn đặt hàng này không có chữ, ký dấu của bị đơn xác nhận theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết giữa hai bên.

Công ty SJ thực hiện việc thanh toán cho Công ty G không căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ do Chi nhánh của công ty tại Bình Dương ký xác nhận (vì những bản đối chiếu công nợ này không có giá trị do người đứng đầu Chi nhánh không có thẩm quyền ký xác nhận công nợ), mà thanh toán dựa trên hóa đơn giá trị gia tăng Công ty G xuất cho Chi nhánh và dựa trên số lượng hàng hóa công ty bán ra thì sẽ thanh toán nguyên liệu đầu vào cho nhà cung cấp. Trong bản chi tiết công nợ của Công ty G thể hiện bên Công ty G không xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho một số đơn hàng nên Công ty SJ chưa thanh toán cho các đơn hàng này. Ngoài ra, trong số tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và cung cấp cho bị đơn, có các Phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 đã được liệt kê trong các bản đối chiếu công nợ, có tổng giá trị 133.592.097 đồng, người ký tên nhận hàng là Kiều Thị T nhưng khi rà soát danh sách cán bộ Công ty SJ làm việc tại Chi nhánh Sơn Jymec ở Bình Dương tại thời điểm trên không có ai tên Kiều Thị T nên Công ty SJ không thừa nhận các phiếu giao hàng này.

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã xuất cho bị đơn có tổng giá trị là 1.163.777.548 đồng. Tính đến ngày 02/11/2018, bị đơn đã thanh toán nhiều hơn giá trị hàng hóa đã xuất hóa đơn, cụ thể: Bị đơn đã thanh toán tổng số tiền 1.358.777.548 đồng theo các Ủy nhiệm chi ngày 06/01/2017, 27/3/2017, 10/5/2017, 03/7/2017, 02/8/2017, 15/8/2017, 28/8/2017, 11/9/2017, 10/10/2017, 30/10/2017, 15/12/2017, 29/12/2017, 10/7/2018, 15/8/2018, 17/9/2018, 19/10/2018 và 02 phiếu báo có ngày 19/01/2018 ngày 08/02/2018 (02 phiếu này do nguyên đơn cung cấp). Như vậy, số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều hơn theo giá trị hóa đơn đã xuất là 195.000.000 đồng. Số tiền 195.000.000 đồng này bị đơn đồng ý cấn trừ vào số tiền hàng Công ty G đã giao nhưng chưa xuất hóa đơn. Vì vậy, bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty G.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của Công ty G, Công ty SJ không đồng ý do trong hợp đồng nguyên tắc hai bên thỏa thuận Công ty G cho Công ty SJ hạn mức công nợ 300.000.000 đồng và sau khi Công ty G khởi kiện, Công ty SJ vẫn thực hiện việc thanh toán cho Công ty G, cụ thể ngày 10/7/2018 thanh toán 39.777.548 đồng, ngày 15/8/2018 thanh toán 20.000.000 đồng, ngày 17/9/2018 thanh toán 20.000.000 đồng và ngày 19/10/2018 thanh toán 20.000.000 đồng nên yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của Công ty G là không có căn cứ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị T trình bày: Bà không phải là nhân viên của Công ty Cổ phần SJ và cũng không phải là nhân viên của Chi nhánh công ty tại Bình Dương

nhưng chồng bà (ông Cao Văn Đ) là giám đốc Chi nhánh công ty nên bà phụ giúp ông Đ giám sát, quản lý Chi nhánh những lúc ông Đ đi vắng. Các Phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 có tổng giá trị 133.592.097 đồng, bà là người ký nhận. Khi ký nhận hàng bà không có giấy ủy quyền. Ký nhận xong, phiếu giao hàng bà đưa cho kế toán đối chiếu nhập dữ liệu, báo cáo về Công ty mẹ, còn hàng hóa thì bà giao lại cho nhân viên của Chi nhánh, lúc đó nhân viên nào có mặt thì có trách nhiệm đưa hàng vào kho nên không xác định được giao cụ thể cho ai. Việc giao nhận phiếu cho kế toán Nguyễn Thị T và giao hàng giữa bà với các nhân viên làm việc tại Chi nhánh không được lập thành văn bản. Sau khi ông Cao Văn Đ nghỉ việc thì bà Thủy cũng nghỉ, hiện nay bà Nguyễn Thị T ở đâu, làm gì bà không biết nên không cung cấp được địa chỉ của bà Nguyễn Thị T cho Tòa án.

Bà xác định bà nhận hàng là nhận cho Công ty SJ, không mang tính chất cá nhân, số hàng bà nhận Công ty SJ đã sử dụng trong quá trình sản xuất.

Nay Công ty G khởi kiện yêu cầu Công ty SJ thanh toán tiền hàng thì bà thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Bà không yêu cầu Tòa án tiến hành tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lại.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018, người làm chứng ông Cao Văn Đ trình bày:* Năm 2015, Công ty SJ thành lập Chi nhánh của công ty tại Bình Dương, khi thành lập, ông là người đứng đầu Chi nhánh với chức vụ Giám đốc Chi nhánh. Đến cuối năm 2017, ông nghỉ việc ở Chi nhánh Công ty và đã bàn giao hoàn tất hồ sơ cho Công ty, trong đó có cả công nợ của Công ty G. Vì vậy, ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này.

Nay nguyên đơn khởi kiện ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

- *Biên bản xác minh tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã D, tỉnh Bình Dương, do Tòa án tiến hành ngày 09/10/2018:* Qua rà soát kiểm tra thông tin người lao động tham gia Bảo hiểm xã hội của Chi nhánh Công ty SJ tại Bình Dương, từ khi thành lập đến thời điểm Tòa án tiến hành xác minh thì không có người lao động tên Kiều Thị T tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Chi nhánh Công ty SJ tại Bình Dương.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 26/2018/KDTM-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G về việc buộc Công ty Cổ phần SJ thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 17.237.541 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G về yêu cầu Công ty Cổ phần SJ thanh toán tiền hàng còn nợ là 120.288.178 (một trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi tám ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng đã giao, tính đến ngày 28/02/2018, có giá trị là 315.288.178 (ba trăm mười lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi tám) đồng cho Công ty Cổ phần SJ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 29/11/2018, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện nguyên đơn Công ty G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ nguyên đơn 315.288.178 đồng đã được nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng và số tiền mua hàng còn nợ nhưng nguyên đơn chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng, buộc nguyên đơn tiếp tục xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, bản án sơ thẩm nhận định: Do trong hợp đồng nguyên tắc hai bên thỏa thuận Công ty G cho Công ty SJ hạn mức công nợ 300.000.000 đồng và sau khi Công ty G khởi kiện, Công ty SJ vẫn thực hiện việc thanh toán cho Công ty G, cụ thể ngày 10/7/2018 thanh toán 39.777.548 đồng, ngày 15/8/2018 thanh toán 20.000.000 đồng, ngày 17/9/2018 thanh toán 20.000.000 đồng và ngày 19/10/2018 thanh toán 20.000.000 đồng, số công nợ chưa vượt mức cho phép 300.000.000 đồng nên yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của Công ty G không được chấp nhận là có căn cứ, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

Đại diện của bị đơn không thống nhất số tiền chưa thanh toán, vì trong các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp có 03 phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017, có tổng giá trị 133.592.097 đồng người ký nhận hàng là bà Kiều Thị T nhưng bà T không phải người lao động của Chi nhánh nên bị đơn không thừa nhận giá trị của 03 phiếu này.

Bà T thừa nhận các phiếu giao hàng nêu trên là do bà T ký nhận, vì bà là vợ của ông Cao Văn Đ - Giám đốc Chi nhánh, khi ông Đ đi vắng bà thay ông Đ kiểm tra, quản lý Chi nhánh, sau khi kiểm tra đủ, đúng hàng hóa, số lượng, ký nhận xong bà T giao lại hàng cho nhân viên của Chi nhánh; còn phiếu giao hàng bà T giao cho kế toán nhập dữ liệu để gửi về Công ty. Qua kiểm tra hồ sơ có 04 phiếu giao hàng do bà Kiều Thị T ký nhận gồm Phiếu giao hàng số 000325, số 000266, số 000521 và số 000208, tại phiên tòa bị đơn trình bày chưa tiếp cận nên không biết được Phiếu giao hàng số 000208.

Bản án sơ thẩm nhận định: Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mình đã giao lại hàng cho nhân viên của Chi nhánh công ty. Quá trình tố tụng nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh như giấy ủy quyền, giấy giới thiệu hợp lệ để xác nhận bà T là người được Giám đốc Chi nhánh Công ty SJ ủy quyền ký nhận hàng như thỏa thuận tại mục "Quy định về Giao nhận hàng" của Điều 4 hợp đồng nguyên tắc ký giữa hai bên. Vì vậy, không có cơ sở buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng 133.592.097 đồng của 03 phiếu giao hàng trên. Nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền trên thành một vụ án khác là chưa đủ cơ sở.

- Tòa án sơ thẩm xác định ông Cao Văn Đ là người làm chứng nhưng chưa nêu rõ làm chứng cho ai về vấn đề gì, chưa thu thập tài liệu chứng minh ông Đ, bà T là vợ chồng, biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018 đối với ông Đ, Tòa án chưa thực hiện đúng qui định đối với người làm chứng qui định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự, chưa làm rõ động cơ, mục đích bà T ký nhận hàng cho Chi nhánh, bà T có nhu cầu sử dụng hàng hóa này hay không, sau khi bà T nhận hàng thì Chi nhánh sử dụng làm gì, bà T quan hệ như thế nào với Chi nhánh, vì sao bà T có mặt tại Chi nhánh, bà T có nhu cầu sử dụng các mặt hàng nguyên đơn bán hay không, các phiếu giao hàng bị đơn đồng ý thanh toán phía bị đơn có lập văn bản ủy quyền để nhận hàng hay không? Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cung cấp các chứng cứ mới, mặc dù tòa án phúc thẩm cho bị đơn tiếp cận nhanh tại tòa nhưng cũng chưa khắc phục được những vi phạm của tòa án cấp sơ thẩm, để giải quyết triệt để vụ kiện cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo qui định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy một phần Bản án sơ thẩm số 26/2018/KDTM-ST ngày 19/11/2018 của TAND thị xã D, chuyển hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo qui định pháp luật theo qui định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm: Không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn Công ty G làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Kiều Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 3, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 01/01/2017, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G và Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM để mua bán mặt hàng là thùng nhựa tròn và nắp thùng, dung tích 1L, 3.8L, 5L và 8L. Số lượng, đơn giá, quy cách thùng theo thiết kế, mẫu mã của Chi nhánh Công ty SJ thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng. Trong hợp đồng cũng thỏa thuận về phương thức, thời gian giao hàng; thỏa thuận về thời hạn thanh toán, hạn mức công nợ (quy định tại Điều 5 của Hợp đồng). Ngoài ra các bên còn thỏa thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ khi thực hiện hợp đồng; đồng thời Công ty Cổ phần SJ cũng thừa nhận việc ký kết và thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/HĐNT/GP-JM của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương.

Nguyên đơn cho rằng Công ty SJ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM nên ngày 21/6/2018 Công ty G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần SJ phải thanh toán số tiền mua hàng mà Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương còn nợ Công ty G là số tiền 383.056.468 đồng và thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 08/6/2018 là 17.237.541 đồng (383.056.468 đồng x 0,75% x 6 tháng), tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần SJ phải thanh toán là 400.294.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận Chi nhánh có ký kết và thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM ký ngày 01/01/2017 giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G với Chi nhánh của Công ty tại Bình Dương. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương không tuân thủ theo quy định tại Điều 1.4 của Hợp đồng, trong hồ sơ lưu tại Chi nhánh thể hiện Chi nhánh không có đơn đặt hàng, không có thư báo giá của nhà cung cấp. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán trên các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty G xuất cho Chi nhánh. Cụ thể: Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã xuất cho bị đơn có tổng giá trị là 1.163.777.548 đồng. Tính đến ngày 02/11/2018, bị đơn đã thanh toán tổng số tiền 1.358.777.548 đồng, dư 195.000.000 đồng bị đơn đồng ý cấn trừ vào số tiền hàng Công ty G đã giao nhưng chưa xuất hóa đơn. Vì vậy, bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty G. Riêng đối với các Phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 đã được liệt kê trong các bản đối chiếu công nợ, có tổng giá trị 133.592.097 đồng, người ký tên nhận hàng là Kiều Thị T bị đơn không chấp nhận vì bà T không phải là nhân viên của công ty.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Theo đơn kháng cáo, Công ty G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc: Không buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng 133.592.097 đồng của 03 Phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 do bà Kiều Thị T ký nhận và không buộc Công ty Cổ phần SJ thanh toán số tiền lãi cho nguyên đơn do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 17.237.541 đồng; nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[3.1] Đối với 03 phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 do bà Kiều Thị T ký nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2018 do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, bà T thừa nhận mình không phải là nhân viên của Chi nhánh Công ty SJ tại Bình Dương và cũng không phải là nhân viên của Công ty Cổ phần SJ. Bà T thừa nhận các Phiếu giao hàng số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017, số 266 ngày 04/8/2017 là do bà T ký nhận, việc ký nhận hàng không được Chi nhánh ủy quyền bằng văn bản, khi ký nhận xong bà T giao lại hàng cho nhân viên của Chi nhánh còn phiếu giao hàng bà T giao cho kế toán nhập dữ liệu để gửi về công ty. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn và bà T đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc bà T là người được Giám đốc Chi nhánh Công ty SJ ủy quyền ký nhận hàng như thỏa thuận tại mục "Quy định về Giao nhận hàng" của Điều 4 hợp đồng nguyên tắc ký giữa hai bên.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đã cung cấp bản chính giấy ủy quyền ngày 12/3/2018, về việc Công ty Cổ phần SJ ủy quyền cho bà Đinh Thị Nhung thực hiện các nghiệp vụ kế toán, kiểm tra đối chiếu sổ sách, chứng từ, hóa đơn của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương kể từ khi thành lập cho đến hết ngày 15/3/2018; bảng "Tổng hợp công nợ phải trả của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương" (bản chính, có chữ ký của bà Đinh Thị N, ông Nguyễn Văn M, ông Cao Văn Đ và bà Nguyễn Thị T) trong đó xác nhận tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2018 Công ty SJ Việt Nam còn nợ Công ty G tổng số tiền 382.211.729 đồng. Xét thấy, bảng tổng hợp trên được xác lập bởi người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Đinh Thị Ng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018) với người đại diện Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương Giám đốc Nguyễn Văn M, kế toán Chi nhánh bà Nguyễn Thị T và đại diện bên góp vốn là ông Cao Văn Đ nên nội dung của văn bản trên là căn cứ để khẳng định số tiền Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương còn nợ Công ty G tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2018 là 382.211.729 đồng. Đối chiếu số nợ này với các biên bản đối chiếu công nợ do nguyên đơn xuất trình đã xác định trong tổng số nợ 382.211.729 đồng bao gồm cả những hóa đơn hàng mà bà T đã nhận.

Như vậy, mặc dù nguyên đơn không xuất trình được các chứng cứ xác định bà T đã giao số hàng mà bà đã nhận theo 03 Phiếu giao hàng số 266 ngày 04/8/2017, số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017 cho Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương, nhưng thực tế bị đơn đã xác định tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2018 Công ty SJ Việt Nam còn nợ Công ty G tổng số tiền 382.211.729 đồng, trong đó bao gồm cả số tiền 133.592.097 đồng là giá trị của số hàng trong 03 Phiếu giao hàng số 266 ngày 04/8/2017, số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà T và nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc bà T đã giao số hàng mà bà đã nhận theo 03 Phiếu giao hàng số 266 ngày 04/8/2017, số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017 cho Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương nên xác định không có cơ sở buộc bị đơn phải thanh toán số tiền này. Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm do đương sự không xuất trình được bản chính bảng "Tổng hợp công nợ phải trả của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương", vấn đề này đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để điều tra lại mà chỉ cần sửa án sơ thẩm về vấn đề này theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hàng 133.592.097 đồng là giá trị của số hàng trong 03 Phiếu giao hàng số 266 ngày 04/8/2017, số 325 ngày 29/8/2018, số 521 ngày 02/11/2017.

[3.2] Về việc xác định tổng số nợ.

So sánh các số liệu: Số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn khởi kiện là 99.777.548 đồng (1); số tiền 120.288.178 đồng (2) bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không kháng cáo và 133.592.097 đồng (3){nhận định tại mục [3.1]}, tổng cộng

(1) + (2) + (3) = 353.657.823 đồng với tổng số tiền 382.211.729 đồng {được xác định trong bảng "Tổng hợp công nợ phải trả của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương" theo nhận định tại mục [3.1]} thì có sự chênh lệch 28.553.906 đồng. Xét thấy: Quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 120.288.178 đồng, bị đơn không kháng cáo đối với phần này nên đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, mặc dù nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn nợ là 383.056.468 đồng và có căn cứ xác định tính đến ngày khởi kiện, bị đơn còn nợ nguyên đơn 382.211.729 đồng {được xác định trong bảng "Tổng hợp công nợ phải trả của Chi nhánh Công ty Cổ phần SJ tại Bình Dương" theo nhận định tại mục [3.1]}. Tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng 353.657.823 đồng (trong đó bao gồm cả số tiền 99.777.548 đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn khởi kiện). Đây là ý chí của nguyên đơn, phù hợp với qui định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần SJ thanh toán số tiền lãi cho nguyên đơn do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM qui định: Bên A (Công ty G) đồng ý cho bên B (Chi nhánh Công ty SJ) công nợ hạn mức là 300.000.000 đồng trong thời gian hai bên đồng ý mua bán, nếu đơn hàng giao theo từng đơn đặt hàng được lũy kế cộng dồn công nợ, vượt hạn mức công nợ cho phép thì bên B phải thanh toán cho bên A số tiền vượt hạn mức không kể bất cứ lý do gì.

Như đã phân tích tại mục [3.2], tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện (21/6/2018), bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 353.657.823 đồng. Số nợ này vượt hạn mức mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017-HĐNT/GP-JM. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là có căn cứ.

Về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0,75%/tháng. Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi Ngân hàng VCB là 14,25%/năm, Sacombank là 9,2%/năm và BIDV là 10%/năm. Vậy mức lãi suất trung bình tại ba Ngân hàng là 11,150%/năm, tương ứng 0,929%/tháng. Mức lãi này cao hơn mức nguyên đơn yêu cầu nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về thời gian tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày nộp đơn khởi kiện 21/6/2018. Xét thấy, số nợ các bên được xác định vào ngày 15/3/2018 nên thời gian tính lãi sẽ được tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày 21/6/2018 là 98 ngày. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 353.657.823 đồng x 0,75%/tháng/30 ngày x 98 ngày = 8.664.617 đồng.

[3.4] Sau khi nguyên đơn khởi khiện, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 99.777.548 đồng nên số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là: (353.657.823 đồng + 8.664.617 đồng) - 99.777.548 đồng = 262.544.892 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật về án phí.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm đối với phần nguyên đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa hoàn toàn phù hợp.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 84, 144, 147, 148, 227, 228, 271, 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 50 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G.

2. Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 26/2018/KDTM-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G đối với bị đơn Công ty Cổ phần SJ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần SJ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G số tiền mua hàng còn nợ là 262.544.892 đồng (trong đó nợ gốc là 253.880.275 đồng và nợ lãi là 8.664.614 đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần SJ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với tiền Công ty Cổ phần SJ thanh toán nợ theo quy định của pháp luật.

2.3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.3.1. Công ty Cổ phần SJ phải chịu số tiền 13.127.245 đồng.

2.3.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G phải chịu án phí 6.887.456 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.006.000 (mười triệu không trăm lẻ sáu nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0019727 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G số tiền là 3.118.544 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0027785 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/4/2019./.

Nơi nhận:
- Các đương sự; 05
- VKSND tỉnh Bình Dương; 01
- Chi cục THADS thị xã D; 01
- TAND thị xã D; 01
- Tổ HCTP; 02
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế. 02

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thái Thị Hữu Xuân